

UNIT 1: WHAT CAN WE SEE AT SCHOOL?

Lesson 21: Project

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh được củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh được giới thiệu kỹ năng tham gia tích cực.
- Học sinh suy ngẫm về những gì mình đã học được.

II. Key vocabulary:



Hair
(Mái tóc)



Face
(Khuôn mặt)



Mouth
(Miệng)



Nose
(Mũi)



II. Key vocabulary:

FOREHEAD



Forehead
(Trán)



Eyes
(Đôi mắt)



EARS



Ears
(Đôi tai)



Cheeks
(Hai bên má)



III. Key language:



This is my (nose).



These are my (eyes).



III. Key language:



My hair is (brown).



My eyes are (blue).



I feel (happy).

